UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: /TB-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng (thay thế Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH (4)	DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (3)	THUYẾT MINH
Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND: Điều 1 ban hành Quy chế; Điều 2 quy định hiệu lực; Điều 3 quy định trách nhiệm thi hành.	Dự thảo Quyết định: Điều 1 ban hành Quy định; Điều 2 quy định hiệu lực và thay thế QĐ 29/2021/QĐ-UBND; Điều 3 quy định trách nhiệm thi hành.	*Thay đổi tên gọi Quy chế thành Quy định; quy định rõ văn bản được thay thế; cập nhật chủ thể chịu trách nhiệm thi hành.*
Quy chế hiện hành, Điều 1: phạm vi điều chỉnh, bao gồm tổ chức, quản lý, khai thác xe buýt, đánh giá chất lượng dịch vụ và trách nhiệm liên quan.	Dự thảo Quy định, Điều 1: phạm vi điều chỉnh về tổ chức, quản lý, khai thác xe buýt và trách nhiệm, quyền hạn của các chủ thể liên quan.	*Điều chỉnh phạm vi; không giữ chương riêng về khung chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ.*
Điều 2: đối tượng gồm đơn vị kinh doanh vận tải, cơ quan quản lý, đơn vị liên quan, lái xe, nhân viên và hành khách.	Điều 2: tiếp tục quy định các nhóm đối tượng; bổ sung rõ đơn vị quản lý kết cấu hạ tầng và đơn vị cung cấp dịch vụ dữ liệu giám sát hành trình.	*Kế thừa và cập nhật đối tượng áp dụng.*
Điều 3: giải thích từ ngữ về điểm dừng, điểm đầu/cuối, Lệnh vận chuyển, thẻ thông minh, nội quy xe buýt.	Điều 3: giải thích các thuật ngữ về bến xe buýt, bảng thông tin xe buýt và tuyến xe buýt.	*Điều chỉnh hệ thống thuật ngữ; cần rà soát sự thống nhất với pháp luật chuyên ngành.*
Điều 4: các hình thức tham gia khai thác xe buýt; đặt hàng hoặc đấu thầu.	Điều 4: tiêu chí, trình tự mở tuyến, điều chỉnh tuyến và đóng tuyến.	*Quy định cụ thể hơn về tổ chức mạng lưới tuyến và thẩm quyền xử lý.*

Điều 5, Điều 6: thông tin và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt.	Điều 5: quản lý kết cấu hạ tầng, bố trí, bảo trì, di dời điểm dừng, nhà chờ và quảng cáo.	*Gộp, cập nhật quy định về kết cấu hạ tầng và trách nhiệm quản lý.*
Điều 8: phương tiện vận chuyển, tiêu chuẩn, nhận dạng, niêm yết và quảng cáo.	Điều 6: phương tiện vận chuyển, yêu cầu kỹ thuật, niêm yết thông tin và quảng cáo.	*Kế thừa, cập nhật theo pháp luật về phương tiện và thiết bị giám sát.*
Chưa có điều riêng về tổ chức giao thông, ưu tiên luồng tuyến xe buýt.	Điều 7: tổ chức giao thông, ưu tiên luồng tuyến xe buýt.	*Bổ sung nội dung tổ chức giao thông; cần kiểm tra thẩm quyền và tính phù hợp quy định hiện hành.*
Điều 7: thời gian hoạt động xe buýt.	Điều 8: thời gian hoạt động xe buýt.	*Kế thừa, điều chỉnh số điều và trách nhiệm quyết định thời gian hoạt động.*
Điều 9: vé xe buýt, giá vé, thẻ ưu tiên và khuyến khích thẻ thông minh.	Điều 9: vé xe buýt, giá vé, thẻ ưu tiên, vé điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.	*Kế thừa, bổ sung hình thức thanh toán và công nghệ.*
Điều 10: hỗ trợ của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt.	Điều 10: trợ giá cho hoạt động xe buýt; xác định nhu cầu kinh phí và tiến độ lập kế hoạch.	*Điều chỉnh cơ chế quản lý kinh phí hỗ trợ; cần đối chiếu thẩm quyền và quy định ngân sách.*
Điều 4 và các quy định liên quan: đặt hàng, đấu thầu khai thác tuyến.	Điều 11: tiêu chí, phương thức đặt hàng, đấu thầu; thời hạn hợp đồng và đề xuất khai thác tuyến.	*Bổ sung quy định chi tiết; cần rà soát pháp luật đấu thầu, đặt hàng và thủ tục hành chính.*
Các điều về trách nhiệm quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động xe buýt.	Điều 12: kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoạt động xe buýt.	*Tách nội dung quản lý, kiểm tra và nghiệm thu thành điều riêng.*
Quy chế hiện hành không có điều riêng quy định mức tạm ứng, thanh toán và quyết toán trợ giá.	Điều 13: tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.	*Bổ sung quy định; cần kiểm tra sự thống nhất với quy định tài chính và hợp đồng.*
Điều 13, Điều 14: điều kiện tham gia, quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã.	Điều 14: quyền hạn, nghĩa vụ của đơn vị kinh doanh vận tải; quản lý Lệnh vận chuyển và an toàn giao thông.	*Sắp xếp lại, bổ sung trách nhiệm cung cấp dữ liệu và quản lý Lệnh vận chuyển.*
Điều 15, Điều 16: quyền hạn, trách nhiệm của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe.	Dự thảo quy định trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải đối với lái xe, nhân viên phục vụ tại Điều 14.	*Điều chỉnh cách bố trí nội dung; cần đối chiếu để tránh bỏ sót trách nhiệm của người lao động.*
Điều 17: quyền hạn, trách nhiệm của hành khách.	Điều 15: quyền hạn, trách nhiệm của hành khách đi xe buýt.	*Kế thừa, cập nhật nghĩa vụ hành khách và hình thức vé điện tử.*

Điều 18 và các điều liên quan: trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý.	Điều 16: trách nhiệm, thẩm quyền của Sở Xây dựng.	*Cập nhật cơ quan chuyên môn và nhiệm vụ quản lý; cần rà soát thẩm quyền được pháp luật giao.*
Điều 19–24: trách nhiệm của các sở, Công an thành phố và UBND cấp huyện.	Điều 17: Sở Tài chính; Điều 18: UBND xã, phường, đặc khu.	*Cập nhật tổ chức chính quyền hai cấp; rà soát việc không còn điều riêng về một số cơ quan.*
Quy chế hiện hành không có điều riêng về tổ chức thực hiện ở cuối văn bản.	Điều 19: tổ chức thực hiện, xử lý trường hợp văn bản viện dẫn thay đổi và tiếp nhận vướng mắc.	*Bổ sung điều khoản tổ chức thực hiện.*
Phụ lục I–IV kèm theo Quy chế hiện hành quy định khung chỉ tiêu và phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ.	Dự thảo Quy định không ban hành lại các Phụ lục I–IV; giao Sở Xây dựng ban hành bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ.	*Thay đổi phương án quy định về đánh giá chất lượng dịch vụ; cần kiểm tra thẩm quyền ban hành bộ tiêu chí.*